TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*- Bản án số:**08**/2024/HNGĐ-ST*
- Ngày 12 tháng 01 năm 2024
- V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Công Mẫn**
2. Bà **Võ Thị Bích Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Anh **Tăng Ngọc Q**, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày:* Chị và anh Tăng Ngọc Q tiến đến hôn nhân năm 1999, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc . Nay chị không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu được ly hôn với anh.

- Về con chung: có 02 con chung tên Tăng Ngọc V, sinh năm 2000 và Tăng Khánh A, sinh năm 2005, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung : Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Tăng Ngọc Q trình bày*: Thời gian sống chung và con chung như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng sống chung không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc. Nay vợ anh xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: có 02 con chung tên Tăng Ngọc V, sinh năm 2000 và Tăng Khánh A, sinh năm 2005, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung : Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*:

+ Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Lê Thị Ngọc T và anh Tăng Ngọc Q là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc T có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Tăng Ngọc Q địa chỉ khu phố 5, phường 4, thị xã Gò Công, Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Chị Lê Thị Ngọc T, anh Tăng Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Tăng Ngọc Q sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Nay chị Lê Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T. Hội đồng xét xử xét thấy theo chị T, anh Q cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc. Chị T yêu cầu ly hôn, anh Q đồng ý nhưng do anh, chị sống chung với nhau không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Q.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Tăng Ngọc V, sinh năm 2000 và Tăng Khánh A, sinh năm 2005, đã trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc T.**

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Ngọc T và anh Tăng Ngọc Q là vợ chồng.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Tăng Ngọc V, sinh năm 2000 và Tăng Khánh A, sinh năm 2005, đã trưởng thành.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0027656 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị Lê Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ngọc T, anh Tăng Ngọc Q có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TG*;
- *VKSND TXGC*;
- *CCTHADS TXGC*;
- *Các đương sự*;
- *UBND phường 4*;
- *Lưu án văn, hồ sơ.*